TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 186/2024/DS-ST Ngày: 20 – 9 - 2024 V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Châu.

Ông Nguyễn Phước .

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 282/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng cầm cố" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2024/QĐXXST-DS ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S có ngay. Địa chỉ trụ sở: số A đường N, Phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Anh H. Địa chỉ: số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền số 289/2023/UQ-SVN ngày 31/10/2023, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Việt T, sinh năm 1998. Địa chỉ: số H đường C, Khóm F, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2024 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Võ Anh H:

Vào ngày 12/01/2023, ông Lê Việt T có đến chi nhánh S1 của Công ty cổ phần S có ngay, địa chỉ: số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và ký Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230101008NA20X ngày 12/01/2023 và đăng

ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Q:1471281461,theoweb:https://dktructuyen.moj.gov.vn/

- Tài sản thế chấp là: Một xe hai bánh biển kiểm soát 83P4-365.57, loại xe Honda Vario 150cc màu xanh đen, số khung MH1KF4111LK964860, số máy KF41E1967196, số giấy chứng nhận đăng ký xe một tô số 006980 do Công an thành phố S cấp ngày 20/12/2022.

- Số tiền cầm cố: 23.100.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 12/01/2023 – 12/01/2024), lãi suất 1,1%//tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền cho Ông Lê Việt T

Do có nhu cầu đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông T mượn lại xe để sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 12/01/2023 đến ngày 12/02/2023 địa điểm trả xe tại Chi nhánh S1.

Quá trình trả nợ, ông Lê Việt T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng cho công ty, đến nay đã quá hạn và ông T cũng không trả lại xe máy cho công ty theo giấy mượn xe.

Nay Công ty cổ phần S có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lê Việt T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh S1 - Công ty TNHH S2 theo Hợp đồng cầm cố số STM230101008NA20X, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi Nhánh S1 - Công ty TNHH S2 ngày 12/01/2023 số tiền 26.819.903 đồng tạm tính đến ngày 20/9/2024 bao gồm:

+ Gốc: 21.339.000 đồng.

+ Lãi trong hạn: 2.582.000 đồng (1.1%/ tháng).

+ Lãi quá hạn: 2.898.903 đồng (1.65%/tháng).

Ngoài ra, ông Lê Việt T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Bị đơn ông Lê Việt T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng: về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nợ gốc: 21.339.000 đồng, lãi trong hạn: 2.582.000 đồng, lãi quá hạn: 2.898.903 đồng. Tổng cộng là: 26.819.903 đồng. Và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Từ khi Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý vụ án đến nay bị đơn ông Lê Việt T vắng mặt tại địa chỉ số H đường C, Khóm F, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230101008NA20X ngày 12/01/2023 nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng nêu trên mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung và thực hiện các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Anh H, trong phạm vi được ủy quyền đã thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn trả các khoản phí. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230101008NA20X ngày 12/01/2023; Giấy mượn xe ngày 12/01/2023 giữa Công ty cổ phần S có ngay với ông Lê Việt T. Về tính hợp pháp của hợp đồng các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Đồng thời, việc cầm cố có đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Q: Giaodichdambao/botuphap, theo web: https://dktructuyen.moj.gov.vn/Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 309, 310, 311,312, 313, 314 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[5] Theo lời trình bày của nguyên đơn, trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng đã ký kết nêu trên, từ ngày 12/01/2023 đến ngày 12/02/2023 ông T đã trả được số tiền là 2.600.000 đồng (trong đó, tiền gốc: 1.761.000 đồng, lãi trong hạn: 254.000 đồng, phí mượn xe: 469.000 đồng, phí quản lý hồ sơ: 116.000 đồng). Từ ngày 13/02/2023 cho đến nay ông T không trả tiền gốc và lãi cho Công ty theo thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của phụ lục hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Công ty Cổ phần S Có Ngay đã chấm dứt hợp

đồng, thu hồi nợ trước hạn và yêu cầu ông T phải thanh toán cho Công ty số tiền gốc còn nợ là 21.339.000 đồng theo Điều 6 của Hợp đồng cầm cố tài sản là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản số STM230101008NA20X ngày 12/01/2023, hai bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, mức lãi suất của hợp đồng các bên đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã giao kết. Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn được 01 kỳ lãi (từ ngày 12/01/2023 đến ngày 12/02/2023) với số tiền lãi trong hạn: 254.000 đồng, từ ngày 13/02/2023 đến nay bị đơn chưa trả lãi cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền lãi trong hạn từ ngày 13/02/2023 đến ngày 20/9/2024 với mức lãi suất 1,1%/tháng là 2.582.000 đồng; lãi quá hạn với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn là 2.898.903 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn ông Lê Việt T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay là 26.819.903 đồng.

[7] Xét yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng thấy rằng, yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng hai bên đã ký kết và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[8] Sau khi ông Lê Việt T thi hành xong số tiền nợ cho Công ty cổ phần S có ngay thì Công ty có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Việt T Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006980 do Công an thành phố S cấp ngày 20/12/2022 của xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P4-365.57, loại xe Honda Vario 150cc màu xanh đen, số khung MH1KF4111LK964860, số máy KF41E1967196.

[9] Nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là xe là hai bánh biển kiểm soát 83P4-365.57, loại xe Honda Vario 150cc màu xanh đen, số khung MH1KF4111LK964860, số máy KF41E1967196 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 843.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001883 ngày 26/6/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Bị đơn ông Lê Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.340.995 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, 280, 309, 310, 311,312, 313, 314, 357,468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay.

1/. Buộc ông Lê Việt T trả cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 20-9-2024 tổng cộng là 26.819.903 đồng (trong đó: nợ gốc: 21.339.000 đồng; nợ lãi 2.582.000 đồng, lãi quá hạn 2.898.903 đồng) theo Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230101008NA20X ngày 12/01/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Việt T còn phải trả lãi cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố trên số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc.

2/. Sau khi ông Lê Việt T thi hành xong số tiền nợ cho Công ty cổ phần S có ngay thì Công ty có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Việt T Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006980 do Công an thành phố S cấp ngày 20/12/2022 của mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P4-365.57, loại xe Honda Vario 150cc màu xanh đen, số khung MH1KF4111LK964860, số máy KF41E1967196.

3/. Công ty cổ phần S có ngay không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P4-365.57, loại xe Honda Vario 150cc màu xanh đen, số khung MH1KF4111LK964860, số máy KF41E1967196 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 843.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001883 ngày 26/6/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Bị đơn ông Lê Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.340.995 đồng.

5/. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trúc Phương